TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cửu
Ông Nguyễn Đình Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** *Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công C, sinh năm: 1960; có mặt.
Địa chỉ: Tổ 8, thôn 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng

Bị đơn: Bà Trương Thị P, sinh năm: 1959; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 5, thôn N, xã T, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Công C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công C và bà Trương Thị P xác lập quan hệ vợ chồng năm 1980, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vào ngày 10/7/1980.

Sau kết hôn, vợ chồng sống tại phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cải vã, bà P thường xuyên cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên hai người đã sống ly thân. Bà P đã về ở tại thôn Lê Sơn Nam, xã T, huyện Hòa Vang, ông C về sống tại thôn 2, xã Hòa N. Hiện nay ông C xác định

không còn tình cảm, thương yêu bà P, xét mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà Trương Thị P.

- Về quan hệ con chung: Ông C xác định giữa ông với bà Trương Thị P có 05 con chung là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, Nguyễn C, sinh năm 1984, Nguyễn Thị TT, sinh năm 1989, Nguyễn Trương CT, sinh năm 1992 và Nguyễn Công T1, sinh năm 1993.

Ly hôn, do các con đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trương Thị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà P vẫn vắng mặt không có lý do và bà P cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo, trừ bị đơn bà Trương Thị P đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bà P.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công C đối với bà Trương Thị P:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Công C được ly hôn với bà Trương Thị P.

- Về quan hệ con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Công C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Công C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn đối với bà Trương Thị P; trú tại thôn N, xã T, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của

ông C là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị P.

Về nội dung:

[3] Ông Nguyễn Công C và bà Trương Thị P xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng năm 1980 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C thì thấy: Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng ông C, bà P sống hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân; thể hiện hai người không còn sống chung, bà P có hộ khẩu tại thôn Lê Sơn Nam, xã T, ông C có hộ khẩu tại thôn 2, xã Hòa N và phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương. Nguyên nhân, theo ông C là do hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cải vã. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C xác định ông không còn tình cảm với bà P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị P.

Trong qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho bà Trương Thị P có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bà P vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó, thể hiện bà P không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy từ năm 2015 đến nay giữa ông C và bà P không có đời sống hôn nhân thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được; thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà Trương Thị P là hợp lý nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông C xác định, giữa ông với bà Trương Thị P có 05 con chung là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, Nguyễn C, sinh năm 1984, Nguyễn Thị TT, sinh năm 1989, Nguyễn Trương CT, sinh năm 1992 và Nguyễn Công T1, sinh năm 1993.

Ly hôn, do các con đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công C đối với bà Trương Thị P về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công C được ly hôn với bà Trương Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hhôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Công C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp tại biên lai thu số 0000138 ngày 09/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Ông C đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Công C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Trương Thị P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh